

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số: 1264/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 15 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024
của huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Căn cứ Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 01 tháng 04 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của huyện Long Điền;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Long Điền;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Long Điền có Tờ trình số 4137/TTr-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2024 và của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 234/TTr-STNMT ngày 26 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt cập nhật, bổ sung vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Long Điền, gồm:

1. Cập nhật, bổ sung danh sách 06 khu đất với diện tích 190,20ha để thực

hiện thủ tục đất đai và 102 trường hợp với diện tích 1,88ha của các hộ gia đình, cá nhân vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo đề xuất của UBND huyện Long Điền, không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai, nhưng không làm thay đổi loại đất và khu vực sử dụng đất theo chức năng trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai để thực hiện các thủ tục đất đai theo quy định của pháp luật (*UBND huyện Long Điền chịu trách nhiệm về tính chính xác, pháp lý đối với các số liệu đã tính toán, sự phù hợp theo quy hoạch sử dụng đất về chỉ tiêu lần không gian trên bản đồ quy hoạch đã trình phê duyệt cũng như khả năng thực hiện của các dự án trong kế hoạch*).

2. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch sau khi cập nhật:

a) *Chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Long Điền sau khi cập nhật:*

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	Chỉ tiêu sử dụng đất sau khi cập nhật, bổ sung kế hoạch	Tăng (+), giảm (-) sau khi cập nhật, bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	4.948,50	4.947,25	-1,25
1.1	Đất lúa nước	LUA	1.129,36	1.128,65	-0,71
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.069,12</i>	<i>1.069,06</i>	<i>-0,06</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	780,42	779,76	-0,66
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.212,36	1.212,64	0,28
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	868,87	868,87	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	463,23	463,16	-0,07
1.8	Đất làm muối	LMU	493	492,91	-0,09
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,28	1,28	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.780,24	2.781,66	1,42
2.1	Đất quốc phòng	CQP	122,49	122,49	
2.2	Đất an ninh	CAN	10,51	10,51	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	Chỉ tiêu sử dụng đất sau khi cập nhật, bổ sung kế hoạch	Tăng (+), giảm (-) sau khi cập nhật, bổ sung
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	36,93	36,93	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	88,91	89,2	0,29
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	86,78	86,78	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	28,78	28,78	
2.9	Đất hạ tầng	DHT	1.045,99	1.045,99	
2.9.1	Đất giao thông	DGT	549,3	549,3	
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	104,82	104,82	
2.9.3	Đất cơ sở văn hóa	DVH	13,31	13,31	
2.9.4	Đất cơ sở y tế	DYT	14,99	14,99	
2.9.5	Đất cơ sở giáo dục- đào tạo	DGD	66,12	66,12	
2.9.6	Đất cơ sở thể dục- thể thao	DTT	14,8	14,8	
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	134,34	134,34	
2.9.8	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,55	0,55	
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG			
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	25,34	25,34	
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA			
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	45,83	45,83	
2.9.13	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	67,17	67,17	
2.9.14	Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			
2.9.15	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,75	2,75	
2.9.16	Đất chợ	DCH	6,67	6,67	
2.10	Đất có danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,03	2,03	
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	11,07	11,07	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	487,1	487,51	0,41
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	317,15	317,87	0,72
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,59	16,59	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,41	1,41	

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	Chỉ tiêu sử dụng đất sau khi cập nhật, bổ sung kế hoạch	Tăng (+), giảm (-) sau khi cập nhật, bổ sung
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	7,61	7,61	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	474,8	474,8	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	35,83	35,83	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	6,25	6,25	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	38,51	38,51	
4	Đất đô thị^(*)	NCS	2.548,38	2.548,38	

Vị trí khu đất cập nhật đối với các diện tích đất vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Long Điền theo Bản đồ vị trí khu đất cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo từng dự án, tỷ lệ 1:5.000.

b) Diện tích các loại đất cần thu hồi sau khi cập nhật, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024:

Giữ nguyên theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất sau khi cập nhật chỉ tiêu sử dụng đất vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024:

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	Chỉ tiêu sử dụng đất sau khi cập nhật, bổ sung kế hoạch	Tăng (+), giảm (-) sau khi cập nhật, bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	79,34	80,18	0,84
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất lúa nước	LUA/PNN	6,3	6,36	0,06
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>3,52</i>	<i>3,58</i>	<i>0,06</i>

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	Chỉ tiêu sử dụng đất sau khi cập nhật, bổ sung kế hoạch	Tăng (+), giảm (-) sau khi cập nhật, bổ sung
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	11,45	11,89	0,44
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	12,22	12,40	0,18
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN			
1.6	Đất trồng rừng sản xuất	RSX/PNN			
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN/PNN			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	46,18	46,25	0,07
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	3,19	3,28	0,09
1.9	Đất nông nghiệp khác	NNK/PNN			
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		0,09	0,33	0,24
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	0,09	0,33	0,24
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP			
2.3	Đất chuyên trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS			
2.4	Đất chuyên trồng lúa sang đất làm muối	LUA/LMU			
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS			
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU			
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR ^(a)			
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR ^(a)			
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR ^(a)			
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT			

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện

Long Điền có trách nhiệm:

1. Công bố công khai việc cập nhật danh mục đăng ký bổ sung khu đất vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Long Điền theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.
2. Thực hiện thực hiện các thủ tục đất đai theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện Long Điền đã được phê duyệt.
3. Các nội dung khác tại Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Long Điền giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Điền; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Điền; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐND tỉnh (đề b/c);
- Lưu: VP-TH (5)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Công Vinh



Phụ lục số 01

Đanh mục nhu cầu sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân cập nhật, bổ sung trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Long Điền

(kèm theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 5 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

STT	Địa chỉ thửa đất		Mục đích sử dụng đất		Diện tích đăng ký (m ²)	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
	Số tờ	Số thửa	Trước khi đăng ký	Sau khi đăng ký		
Tổng cộng					18.856,80	
I	Địa bàn Thị trấn Long Điền				3.112,0	
1	42	169	LMU	ODT	80	ODT
2	29	143	LMU	ODT	80	ODT
3	29	244	LMU	ODT	80	ODT
4	42	124	LMU	ODT	80	ODT
5	34	32	LMU	ODT	80	ODT
6	132	66	HNK	ODT	50	ODT
7	31	41	LUK	ODT	540	ODT
8	31	47	CLN	ODT	100	ODT
9	31	44	LUA	ODT	960	ODT
10	33	1235	LMU	ODT	140	ODT
11	90	145	HNK	ODT	60	ODT
12	11	415	HNK	ODT	57	ODT
13	20	239	LUK	TMD	170	TMD
14	90	146	HNK	TMD	35	TMD
15	19	302	LUC	ODT	600	ODT
II	Địa bàn Thị trấn Long Hải				3.088,0	
1	16	364, 365	HNK	TMD	1000	TMD
2	123	101	CLN	TMD	100	TMD
3	152	139, 140	CLN	ODT	300	ODT
4	158	116	CLN	ODT	54	ODT
5	186	20	CLN	ODT	120	ODT
6	183	250	CLN	ODT	42,5	ODT
7	186	17	CLN	ODT	300	ODT
8	165	79	HNK	ODT	49,2	ODT
9	16	117	HNK	ODT	139,3	ODT

STT	Địa chỉ thửa đất		Mục đích sử dụng đất		Diện tích đăng ký (m ²)	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
	Số tờ	Số thửa	Trước khi đăng ký	Sau khi đăng ký		
10	16	123	LUK	ODT	10,7	ODT
11	16	392, 393, 122, 124	LUK	ODT	160	ODT
12	164	98	HNK	ODT	150	ODT
13	180	324	CLN	TMD	41,5	TMD
14	160	197	HNK	ODT	397	ODT
15	160	215	CLN	ODT	15	ODT
16	124	26	HNK	ODT	60	ODT
17	14	181	CLN	TMD	100	TMD
18	104	76	CLN	ODT	48,8	ODT
III	Địa bàn Xã Phước Hưng				3.879,4	
1	130	243	LUK	ODT	400	ODT
2	43	228	LUK	ODT	120	ODT
3	73	250	HNK	ODT	393,8	ODT
4	49	47	CLN	ODT	40	ODT
5	37	65, 69	LUK	ODT	80	ODT
6	50	267	HNK	ODT	105,4	ODT
7	134	155	HNK	TMD	175,7	TMD
8	57	80, 98	HNK	TMD	500	TMD
9	57	103	HNK	TMD	421,7	TMD
10	49	686	CLN	ODT	144,9	ODT
11	58	74, 89	HNK	TMD	129,3	TMD
12	93	77	HNK	ODT	50	ODT
13	52	212	HNK	ODT	59,9	ODT
14	52	206	LUK	ODT	21,1	ODT
15	54	452, 453	HNK	ODT	143,3	ODT
16	148	69	CLN	TMD	200	TMD
17	42	316	HNK	ODT	60	ODT
18	47	229	LUK	ODT	200	ODT
19	54	840	HNK	ODT	54,3	ODT
20	53	335	HNK	ODT	100	ODT
21	54	207	NTS	ODT	240	ODT
22	39	82	HNK	ODT	40	ODT
23	53	44	LUA	ODT	100	ODT
24	49	630	HNK	ODT	100	ODT



STT	Địa chỉ thửa đất		Mục đích sử dụng đất		Diện tích đăng ký (m ²)	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
	Số tờ	Số thửa	Trước khi đăng ký	Sau khi đăng ký		
IV	Địa bàn Xã Phước Tỉnh				1.155,8	
1	51	278	HNK	ONT	50	ONT
2	108	304	HNK	ONT	238,8	ONT
3	137	16	HNK	ONT	80	ONT
4	52	359	HNK	ONT	160	ONT
5	78	289	HNK	ONT	55	ONT
6	105	488	NTS, HNK	ONT	18,7	ONT
7	134	101	HNK	ONT	73,3	ONT
8	76	128	HNK	ONT	100	ONT
9	89	106, 166	HNK	ONT	120	ONT
10	105	186	HNK	ONT	80	ONT
11	134	152	HNK	ONT	100	ONT
12	136	310	HNK	ONT	80	ONT
V	Địa bàn Xã An Ngãi				2.048,9	
1	10	164	LMU	ONT	80	ONT
2	9	71	NTS	ONT	80	ONT
3	7	750	LMU	ONT	80	ONT
4	9	146	NTS	ONT	80	ONT
5	9	144	NTS	ONT	80	ONT
6	10	1054	LMU	ONT	80	ONT
7	7	1403	LMU	ONT	80	ONT
8	7	826	LMU	ONT	80	ONT
9	1	396, 508	LUA	ONT	300	ONT
10	30	642	LUK	ONT	240	ONT
11	27	52	HNK	ONT	98,9	ONT
12	13	40	NTS	ONT	100	ONT
13	13	27	NTS	ONT	100	ONT
14	13	37	NTS	ONT	100	ONT
15	25	104	LUK	ONT	250	ONT
16	22	400	CLN	ONT	60	ONT
17	27	148	HNK	ONT	160	ONT
VI	Địa bàn Xã Tam Phước				5.172,7	
1	24	163	CLN	ONT	40	ONT

STT	Địa chỉ thửa đất		Mục đích sử dụng đất		Diện tích đăng ký (m ²)	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
	Số tờ	Số thửa	Trước khi đăng ký	Sau khi đăng ký		
2	5	302	HNK	ONT	40	ONT
3	7	427	LUA	ONT	150	ONT
4	10	290	HNK	ONT	34,3	ONT
5	23	70	CLN	ONT	100	ONT
6	10	46	HNK	ONT	80	ONT
7	4	287	HNK	ONT	56	ONT
8	17	150	LUK	CLN	974	CLN
9	11	509	LUK	CLN	426,4	CLN
10	20	294	LUK, HNK	CLN	1006	CLN
11	20	295	LUK, HNK	CLN	1240,8	CLN
12	20	296	LUK	CLN	1025,2	CLN
VII	Địa bàn Xã An Nhứt				400	
1	11	321	LUA	ONT	30	ONT
2	14	478	LUA	ONT	100	ONT
3	11	884	HNK	ONT	30	ONT
4	1	24	LUK	ONT	240	ONT



Phụ lục số 02

Danh mục khu đất của tổ chức cấp nhật, bổ sung trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Long Điền
(kèm theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 5 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

SĐT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Diện tích thực hiện 2024 (m ²)	Căn cứ pháp lý	Nguồn gốc đất	Ghi chú
1	Khu dân cư sinh thái An Hòa	Công ty CP Tập đoàn R&L	xã An Ngãi, huyện LĐ	10,46	Văn bản số 14167/UBND-VP ngày 12/12/2023 của UBND huyện về giải quyết đề nghị của Công ty (kèm theo Văn bản số 06/PTDA-R&L ngày 08/12/2023 của Công ty CP Tập đoàn R&L xin đăng ký KHSDĐ năm 2024 của huyện Long Điền).	Hộ dân + Nhà nước	Từ năm 2024, theo tiến độ của dự án khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận
2	Khu dân cư sinh thái An Nhiên	Công ty CP đầu tư và phát triển Bất động sản BIG	xã An Ngãi, huyện LĐ	26,73	Văn bản số 14164/UBND-VP ngày 12/12/2023 của UBND huyện về giải quyết đề nghị của Công ty (kèm theo Văn bản số 09/PTDA-BIG ngày 08/12/2023 của Công ty CP đầu tư và phát triển Bất động sản BIG xin đăng ký KHSDĐ năm 2024 của huyện Long Điền); Văn bản số 11/PTDA-BIG ngày 5/4/2024 về việc cấp nhật ranh giới, diện tích dự án Khu dân cư sinh thái An Nhiên vào KH SD Đất năm 2024.	Hộ dân	Từ năm 2024, theo tiến độ của dự án khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận
3	Khu dân cư sinh thái An Khang	Công ty CP phát triển Địa ốc Thịnh Phát	xã An Ngãi, huyện LĐ	22,61	Các văn bản số 14166/UBND-VP ngày 12/12/2023 và số 1255/UBND-VP ngày 01/02/2024 của UBND huyện về giải quyết đề nghị của Công ty. (kèm theo Các văn bản số	Hộ dân + Nhà nước	Từ năm 2024, theo tiến độ của dự án khi được cấp có

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Diện tích thực hiện 2024 (m ²)	Căn cứ pháp lý	Nguồn gốc đất	Ghi chú
4	Khu dân cư sinh thái An Bình	Công ty CP đầu tư địa ốc WONDER LAND	Thị trấn Long Điền và xã An Ngãi, huyện LD	45,59	08/PTDA-ĐOTP ngày 07/12/2023, và số 01/PTDA-ĐOTP ngày 26/01/2024 của Công ty CP phát triển Địa ốc Thịnh Phát xin đăng ký KHSDĐ năm 2024 của huyện Long Điền, VB số 15/PTDA-ĐOTP ngày 5/4/2024 của Công ty CP phát triển Địa ốc Thịnh Phát về việc cấp nhật ranh giới, diện tích dự án Khu dân cư sinh thái An Khang vào KH SD Đất năm 2024 Các văn bản số 14165/UBND-VP ngày 12/12/2023 và số 1256/UBND-VP ngày 01/02/2024 của UBND huyện về giải quyết đề nghị của Công ty. (kèm theo Các văn bản số 12/PTDA-WDL ngày 07/12/2023 và số 02/PTDA-WDL ngày 26/01/2023 của Công ty CP đầu tư địa ốc WONDER LAND xin đăng ký KHSDĐ năm 2024 của huyện Long Điền).	Hộ dân + Nhà nước	Từ năm 2024, theo tiến độ của dự án khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận
5	Khu đô thị sinh thái An Sinh	Công ty CP Kinh doanh Bất động sản Thành Công	Thị trấn Long Điền	48,6	- Văn bản số 1289/UBND-VP ngày 01/02/2024 của UBND huyện về giải quyết đề nghị của Công ty CP Kinh doanh Bất động sản Thành Công - Văn bản số 06/TC-PTDA ngày 29/01/2024 của Công ty CP Kinh	Hộ dân + Nhà nước	Từ năm 2024, theo tiến độ của dự án khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận



Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Diện tích thực hiện 2024 (m ²)	Căn cứ pháp lý	Nguồn gốc đất	Ghi chú
				doanh BĐS Thành Công xin đăng ký KHSDĐ năm 2024 của huyện Long Điền - Văn bản thỏa thuận ngày 29/01/2024 của Công ty CP Kinh doanh BĐS Thành Công và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Santosa. Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư dự án Khu nhà ở sinh thái An Điền. Văn bản số 3542/UBND-VP ngày 29/3/2024 của UBND huyện giải quyết đề xuất của Công ty tại VB số 29/EPC-PTDA ngày 28/3/2024.		
6	Công ty Cổ phần Tập đoàn Eco Pearl City	Thị trấn Long Điền	36,21		Hộ dân + Nhà nước	Điều chỉnh tên dự án theo theo Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND tỉnh